

Vốn xã hội, chia sẻ kiến thức và khả năng đổi mới đối với hoạt động sản xuất của hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre

Dương Thế Duy*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

TÓM TẮT

Từ kết quả của các công trình nghiên cứu về vốn xã hội trước đó, nghiên cứu này được thực hiện nhằm đề xuất mô hình lý thuyết và kiểm định mô hình về mối quan hệ giữa vốn xã hội, chia sẻ tri thức và khả năng đổi mới đối với các hoạt động sản xuất của hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre. Khảo sát được thực hiện bằng bảng câu hỏi cho trước để thu thập dữ liệu theo phương pháp lấy mẫu thuận tiện. Nghiên cứu đã thu thập được 263 bảng trả lời từ các hộ gia đình nông dân tại 4 huyện Châu Thành, Bình Đại, Thạnh Phú và Ba Tri thuộc tỉnh Bến Tre. Các giả thuyết của mô hình nghiên cứu được kiểm chứng bằng mô hình cấu trúc tuyến tính (SEM) thông qua các phần mềm SPSS và AMOS. Kết quả mô hình nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tương tác xã hội, lòng tin, chuẩn mực có đi có lại, mục đích chia sẻ đều có ảnh hưởng đến thu thập kiến thức và trao tặng kiến thức của hộ gia đình. Ngoài ra, thu thập kiến thức và chia sẻ kiến thức đều có ảnh hưởng tích cực đến khả năng đổi mới của hộ gia đình nông dân. Với kết quả đạt được, nghiên cứu đề xuất hàm ý chính sách mở rộng nguồn vốn xã hội thông qua cấu trúc mạng lưới xã hội và chất lượng mạng lưới xã hội nhằm tăng cường khả năng đổi mới hoạt động của hộ gia đình nông dân tỉnh Bến Tre.

Từ khóa: Vốn xã hội, chia sẻ kiến thức, khả năng đổi mới, hộ nông dân

GIỚI THIỆU

Ngày nay, trong hoạt động sản xuất ở cấp độ hộ gia đình, doanh nghiệp, hay một vùng, một quốc gia (đơn vị) thì chia sẻ kiến thức rất quan trọng và ảnh hưởng đến sự thành công của đơn vị¹. Nhiều nhà nghiên cứu trên thế giới cũng đã chỉ ra rằng chia sẻ kiến thức có ảnh hưởng không nhỏ đến việc giảm chi phí sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất và tăng cường khả năng đổi mới trong mọi hoạt động sản xuất đơn vị²⁻⁴. Nhận thấy được tầm quan trọng của việc chia sẻ kiến thức, đã có rất nhiều nhà nghiên cứu trong và ngoài nước đã nghiên cứu các yếu tố tác động đến chia sẻ kiến thức cũng như tác động của nó đến khả năng đổi mới trong hoạt động sản xuất ở các lĩnh vực. Một trong số các yếu tố tác động đó thì nổi bật trong thời gian gần đây là vốn xã hội. Vốn xã hội là “thiện chí được tạo ra bằng kết cấu của các mối quan hệ xã hội và điều đó có thể huy động để tạo điều kiện cho hành động”⁵. Còn theo Nahapiet & Ghoshal⁶, vốn xã hội là mạng lưới các mối quan hệ hỗ trợ con người thực hiện các công việc xã hội, nó bắt nguồn từ mạng lưới những người quen được chia sẻ. Đa phần các tác giả khẳng định rằng: cũng giống như các hình thức vốn khác, vốn xã hội là một nguồn lực sản xuất hỗ trợ cả hành động của cá nhân và tổ chức. Đã có rất nhiều nghiên cứu tác động của vốn xã hội đến mọi hoạt động trong đời sống sản xuất, mà cụ

thể là nghiên cứu sự tác động của vốn xã hội đến chia sẻ kiến thức, nâng cao khả năng đổi mới. Theo các tác giả⁷⁻⁹ cho rằng vốn xã hội đã được biết là đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành các ý định và hành vi chia sẻ kiến thức và Van den Hoof và Huysman¹⁰ đã chỉ ra, bằng cách xem xét ba khía cạnh của vốn xã hội (cấu trúc, quan hệ và nhận thức), vốn xã hội có thể ảnh hưởng đến việc đóng góp và thu thập kiến thức thông qua (1) cung cấp khả năng tiếp cận những người có kiến thức hoặc nhu cầu và câu hỏi liên quan; (2) mang lại lợi ích chung và bầu không khí tin cậy lẫn nhau và đánh giá cao giá trị kiến thức của người khác; (3) chia sẻ khả năng chung giúp hiểu kiến thức của người khác cũng như giải thích và đánh giá đúng tất cả kiến thức.

Tất cả các nghiên cứu trên cho thấy rằng vốn xã hội có tác động rất đáng kể đến chia sẻ kiến thức và khả năng đổi mới trong mọi hoạt động sản xuất của công ty, doanh nghiệp cũng như hộ gia đình. Trong các nghiên cứu gần đây của các tác giả¹¹⁻¹³ cho thấy rằng việc các thành viên hộ gia đình tham gia vào mạng lưới xã hội đã góp phần không nhỏ vào hoạt động sản xuất mà cụ thể là ứng dụng công nghệ mới, kỹ thuật sản xuất mới, kiến thức sản xuất mới nhằm nâng cao hiệu quả và thu nhập. Tuy nhiên đến nay vẫn chưa có nghiên cứu nào đánh giá tác động của vốn xã hội đến chia sẻ kiến thức, nâng cao khả năng đổi mới của hộ

Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Liên hệ

Dương Thế Duy, Khoa Kinh tế - Tài chính, Trường Đại học Ngoại ngữ - Tin học Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Email: duydt@hufit.edu.vn

Lịch sử

- Ngày nhận: 13-11-2021
- Ngày chấp nhận: 9-5-2022
- Ngày đăng: 29-5-2022

DOI: 10.32508/stdjelm.v6i2.979



Bản quyền

© ĐHQG Tp.HCM. Đây là bài báo công bố mở được phát hành theo các điều khoản của the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Trích dẫn bài báo này: Duy D.T. **Vốn xã hội, chia sẻ kiến thức và khả năng đổi mới đối với hoạt động sản xuất của hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre.** *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 6(2):2631-2644.

gia đình nông dân tại các vùng nông thôn Việt Nam hiện nay đặc biệt là hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre hiện nay. Kết quả nghiên cứu này sẽ giúp các nhà lãnh đạo địa phương tại tỉnh Bến Tre nói riêng và vùng Đồng bằng sông Cửu Long nói chung đưa ra những chính sách thiết thực nhằm tạo điều kiện phát triển nguồn vốn xã hội của hộ gia đình nông dân, góp phần nâng cao hoạt động sản xuất của hộ.

CƠ SỞ LÝ THUYẾT VÀ MÔ HÌNH NGHIÊN CỨU

Cơ sở lý thuyết

Vốn xã hội và chia sẻ kiến thức

Vốn xã hội được định nghĩa là tổng các nguồn lực thực tế và tiềm năng được tiềm ẩn bên trong và có nguồn gốc từ mạng lưới các mối quan hệ của một cá nhân hoặc đơn vị xã hội⁶. Theo Nahapiet và Ghoshal⁶, vốn xã hội bao gồm các khía cạnh cấu trúc, quan hệ và nhận thức. 1) Chiều cấu trúc của vốn xã hội đề cập đến sự kết nối giữa các thành viên, bao gồm: tần suất và chia sẻ thông tin. Theo quan điểm này, chiều cấu trúc của vốn xã hội bao gồm các mối quan hệ tương tác xã hội^{5,14,15}) Khía cạnh quan hệ của vốn xã hội mô tả loại mối quan hệ cá nhân mà mọi người đã phát triển với nhau thông qua quá trình lịch sử tương tác. Trong đó, sự tin cậy, có đi có lại và nhận biết là một trong những thuộc tính quan trọng của khía cạnh quan hệ của vốn xã hội^{7,16-18}) Chiều của nhận thức: được thể hiện trong các thuộc tính như sự hiểu biết chung về các mục tiêu tập thể và cách thức hành động đúng đắn trong một hệ thống xã hội^{8,19}.

Mối quan hệ tương tác

Mối quan hệ tương tác xã hội là mối liên hệ giữa các thành viên trong mạng lưới¹¹, chúng hoạt động như một phương tiện để trao đổi, cung cấp thông tin cho các thành viên của mạng lưới quyền truy cập vào các tài nguyên của các thành viên khác. Tsai & Ghoshal¹⁴ cho rằng những tương tác này định hình các mục tiêu và chuẩn mực chung và dẫn đến việc chia sẻ các mục tiêu và chuẩn mực này trong toàn bộ mạng lưới. Chua²⁰ cho rằng trong một tổ chức, tương tác xã hội góp phần nâng cao chất lượng kiến thức. Quá trình chia sẻ kiến thức diễn ra mạnh mẽ hơn khi các thành viên trong mạng lưới tương tác thường xuyên và hiểu rõ về nhau²¹. Quyết định liên quan đến việc tin tưởng một người và chia sẻ kiến thức phụ thuộc vào sự hiểu biết của cá nhân đó. Kiến thức này được hỗ trợ thông qua mạng lưới các mối quan hệ²². Tsai và Ghoshal¹⁴ đã tìm thấy mối quan hệ đáng kể giữa mối quan hệ tương tác xã hội và trao đổi nguồn lực. Chiu và cộng sự¹⁸ cho rằng các mối quan hệ tương tác xã hội được

vận hành bao gồm mối quan hệ, thời gian sử dụng, tần suất tương tác giữa các thành viên trong mạng lưới. Điều tra thực nghiệm của các tác giả trước đó cho thấy rằng các mối quan hệ tương tác xã hội có liên quan đến việc chia sẻ kiến thức. Các tác giả^{22,23} dựa trên những phát hiện, chứng minh từ các nghiên cứu định tính, định lượng cho rằng mối quan hệ tương tác chặt chẽ tạo điều kiện cho việc chia sẻ kiến thức. Do đó:

H1: Mối quan hệ tương tác xã hội giữa các thành viên của mạng lưới xã hội sẽ tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức của các hộ gia đình.

H2: Mối quan hệ tương tác xã hội giữa các thành viên của mạng lưới xã hội sẽ tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức của các hộ gia đình.

Lòng tin

Niềm tin là một yếu tố thúc đẩy trao đổi và hợp tác xã hội và nó mở ra cho mọi người chia sẻ kiến thức. Nó tạo điều kiện cho sự hợp tác tạo ra sự tin tưởng⁶. Các thành viên trong mạng lưới xã hội tin tưởng lẫn nhau sẽ sẵn sàng chia sẻ tài nguyên, không sợ bị các thành viên khác lợi dụng. Tsai và Ghoshal¹⁴ đã chỉ ra rằng sự tin tưởng có liên quan tích cực đến việc trao đổi tài nguyên. Trong khi Chiu & cộng sự¹⁸ chứng minh rằng sự tin tưởng có liên quan đáng kể đến việc chia sẻ kiến thức. Theo Bakker & cộng sự²⁴, nhiều tác giả cho rằng khi có mối quan hệ tin cậy, mọi người sẵn sàng cung cấp những kiến thức hữu ích hơn. Ngoài ra, khi có sự tin tưởng, mọi người sẵn sàng lắng nghe và tiếp thu kiến thức của nhau hơn^{14,25}. Tác giả đề xuất giả thuyết:

H3: Lòng tin giữa các thành viên của mạng lưới xã hội sẽ tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức của các hộ gia đình.

H4: Lòng tin giữa các thành viên của mạng lưới xã hội sẽ tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức của các hộ gia đình.

Có đi có lại

Chiu, Hsu & Wang¹⁸ cho rằng sự có đi có lại là sự chia sẻ kiến thức lẫn nhau và cả hai bên đều coi là công bằng. Các nghiên cứu trước đó cũng đã chứng minh rằng các mối quan hệ trao đổi kiến thức có đi có lại làm tăng ý định chia sẻ kiến thức của những thành viên trong mạng lưới^{26,27}. Các nhà nghiên cứu cũng đã quan sát thấy rằng lợi ích tương hỗ có thể là động lực để thúc đẩy chia sẻ kiến thức và đạt được sự hợp tác lâu dài lẫn nhau^{28,29}. Một khi một cá nhân cung cấp kiến thức hữu ích cho người khác, người tiếp nhận kiến thức có nghĩa vụ chuyển giao kiến thức tương đương cho người cung cấp kiến thức. Sự tương hỗ như vậy dựa trên mối quan hệ trao đổi kiến thức

đã được chỉ ra như một yếu tố quyết định để khuyến khích thành viên trong mạng lưới chia sẻ kiến thức của họ. Hơn nữa, Hung và cộng sự³⁰ phát hiện ra rằng trong môi trường làm việc nhóm, những thành viên sẵn sàng chia sẻ những ý tưởng có giá trị của họ trước các thành viên khác và mong đợi sự phản hồi từ mạng lưới. Trong một môi trường công bằng và có đi có lại trong nhóm, các thành viên sẽ cảm thấy cả nghĩa vụ xã hội và tình cảm để chia sẻ kiến thức, đặc biệt là khi họ đã nhận được sự giúp đỡ từ các thành viên khác. Do đó, những điều này tạo ra giả thuyết sau:

H5: Sự có đi có lại sẽ tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức của các hộ gia đình.

H6: Sự có đi có lại sẽ tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức của các hộ gia đình.

Nhận biết

Nhận biết được xem là một cảm nhận mức độ mối quan hệ xã hội của một cá nhân đối với cá nhân hoặc của cá nhân đối với nhóm người khác⁶. Nó bao gồm cảm giác thân thuộc và cảm xúc tích cực của các thành viên đối với mạng xã hội và sự sẵn sàng để trở thành thành viên tích cực của mạng lưới. Các cá nhân thường có xu hướng không chia sẻ kiến thức cho đến khi cá nhân nhận biết được tình thân hữu. Do đó, sự đồng nhất với cộng đồng là rất quan trọng trong việc kích thích các hành vi chia sẻ kiến thức¹⁸. Đặc điểm của cộng đồng giúp các cá nhân hiểu họ là ai, cách họ xây dựng mối liên hệ của mình với những người xung quanh và cách họ nên hành động trong các tình huống xã hội³¹. Nahapiet và Ghoshal⁶ cho rằng nhận biết đóng vai trò như một nguồn lực ảnh hưởng đến động lực kết hợp và trao đổi kiến thức. Nhận thức về sự đoàn kết xã hội và sự đoàn kết của nhóm sẽ thúc đẩy sự sẵn sàng chia sẻ kiến thức của các cá nhân và nâng cao chiều sâu và bề rộng của kiến thức được chia sẻ. Các nghiên cứu thực nghiệm trước đây của các tác giả^{7,18} đã chỉ ra tác động đáng kể của việc xác định/nhận biết cộng đồng đối với chia sẻ kiến thức. Do đó, nghiên cứu đề xuất giả thuyết tiếp theo:

H7: Sự nhận biết sẽ tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức của các hộ gia đình.

H8: Sự nhận biết sẽ tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức của các hộ gia đình.

Mục tiêu chia sẻ

Theo Chow và Chan⁸ các mục tiêu chia sẻ tạo điều kiện cho các thành viên trong mạng lưới trao đổi ý kiến. Mục tiêu chia sẻ bao gồm các mục tiêu và tham vọng chung của các thành viên trong nhóm. Hiểu biết chung về các cách tương tác dẫn đến nhiều cơ hội chia sẻ tài nguyên giữa các thành viên trong nhóm

ngày càng tốt hơn mà không có bất kỳ hiểu lầm nào. Các mục tiêu chia sẻ giúp các thành viên trong nhóm hình dung được lợi ích riêng và lợi ích chung. Do đó, mục tiêu được chia sẻ giữa các thành viên trong nhóm dẫn đến việc chia sẻ tài nguyên¹⁴. Các mục tiêu, sở thích và tầm nhìn được chia sẻ trong một nhóm sẽ giúp nâng cao ý định chia sẻ kiến thức của các thành viên trong nhóm^{8,18}. Hơn nữa, các nghiên cứu thực nghiệm gần đây cho thấy rằng mục tiêu chia sẻ có thể cải thiện chia sẻ kiến thức giữa các cá nhân^{8,19}. Do đó, các giả thuyết sau được đề xuất:

H9: Mục tiêu chia sẻ tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức của các hộ gia đình.

H10: Mục tiêu chia sẻ tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức của các hộ gia đình.

Tầm nhìn chung

Tầm nhìn chung bao gồm các mục tiêu và tham vọng chung của các thành viên trong mạng xã hội. Tầm nhìn chung sẽ giúp các thành viên trong mạng lưới xã hội có cơ hội chia sẻ cũng như thu thập tài nguyên Tsai & Ghoshal¹⁴. Các mục tiêu, sở thích, tầm nhìn chung được chia sẻ trong một cộng đồng tạo điều kiện cho thành viên hiểu được ý nghĩa của việc chia sẻ kiến thức¹⁸. Các mục tiêu và chuẩn mực chung dẫn đến sự tin tưởng giữa các thành viên của một mạng lưới vì họ không sợ bị bất kỳ thành viên nào trong mạng theo đuổi tư lợi trong khi ảnh hưởng đến các mục tiêu chung. Do đó, các mục tiêu và chuẩn mực chung là nguyên nhân tạo ra sự tin tưởng Tsai & Ghoshal¹⁴ và có thể dẫn đến việc chia sẻ kiến thức¹⁸. Trong nghiên cứu thực nghiệm của các tác giả^{14,18} đã phát hiện ra rằng tầm nhìn chung có liên quan tích cực đến chất lượng của kiến thức được chia sẻ trong mạng lưới.

H11: Tầm nhìn chung tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức của các hộ gia đình.

H12: Tầm nhìn chung tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức của các hộ gia đình.

Chia sẻ kiến thức và khả năng đổi mới

Khả năng đổi mới đóng vai trò quan trọng cho sự tồn tại của các cá nhân hay một tổ chức để tạo ra các mô hình hoạt động kinh doanh, chiến lược hay một hàng hóa, dịch vụ mới³². Amo và Kolvereid³³ cho rằng con người là cơ sở đối với sự đổi mới của một nhóm hay một tổ chức. Sự đổi mới của cá nhân có thể giúp thay đổi hoạt động sản xuất. Theo Dhar³⁴ là một cá nhân chủ động làm việc nhằm tạo ra sản phẩm mới, tìm kiếm thị trường mới, kỹ thuật sản xuất mới và sự kết hợp mới. Trong hoạt động sản xuất hiện nay tại khu vực nông thôn, các hộ gia đình nông dân cần phải đẩy mạnh thay đổi phương thức sản xuất để nâng cao hiệu quả hoạt động và tăng lợi nhuận. Để thực

hiện được điều này thì các hộ gia đình rất cần chia sẻ kiến thức và tăng cường khả năng đổi mới. Theo nghiên cứu thực nghiệm của Kim và Lee³⁵ cho thấy rằng khả năng đổi mới của nhóm cuối cùng sẽ dẫn đến hiệu quả tài chính, tăng sự vượt trội. Còn theo nghiên cứu của Darroch³⁶ cho rằng tri thức trong tổ chức cần được quản lý và phát huy tốt để đảm bảo hiệu quả của đổi mới³⁷. Chia sẻ kiến thức tạo ra cơ hội để tối đa hóa các giải pháp và sáng kiến cung cấp cho doanh nghiệp khả năng đổi mới dẫn đến lợi thế cạnh tranh³⁸. Một số nghiên cứu thực nghiệm chỉ ra rằng chia sẻ kiến thức là một trong những tiền đề quan trọng góp phần đáng kể vào khả năng đổi mới ở các cấp tổ chức khác nhau^{3,39-41}. Hơn nữa, Lin³ khẳng định rằng một bầu không khí khuyến khích đóng góp kiến thức giữa các nhân viên, chuyển đổi kiến thức cá nhân thành kiến thức nhóm hoặc tổ chức để cải thiện nguồn kiến thức sẵn. Góp phần tạo ra ý tưởng mới, phát triển các cơ hội kinh doanh mới và tạo điều kiện cho các hoạt động đổi mới. Lin³ cũng nhấn mạnh rằng việc thu thập kiến thức (nội bộ hóa) và xã hội hóa kiến thức tạo điều kiện chuyển đổi kiến thức của tổ chức thành kiến thức của nhóm hoặc cá nhân. Nó ảnh hưởng đáng kể đến năng lực đổi mới của doanh nghiệp. Do đó, các giả thuyết cuối cùng như sau:

H13. Thu thập kiến thức ảnh hưởng tích cực đến khả năng đổi mới của hộ gia đình.

H14. Trao tặng kiến thức ảnh hưởng tích cực đến khả năng đổi mới của hộ gia đình.

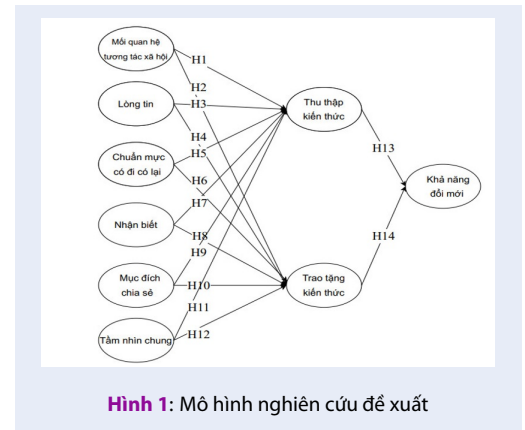
Mô hình nghiên cứu

Nghiên cứu kế thừa mô hình nghiên cứu trước đó của các tác giả^{7,17} để đề xuất mô hình nghiên cứu (Hình 1) tác động của vốn xã hội đến thu nhập kiến thức, trao tặng kiến thức và tác động của thu thập kiến thức, trao tặng kiến thức đến khả năng đổi mới đối với hoạt động sản xuất của hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre.

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Chọn mẫu và thu thập dữ liệu

Nghiên cứu kế thừa các thang đo trước đó của các tác giả^{7,17,42,43}. Sau đó, tiến hành phỏng vấn 3 chuyên gia chuyên ngành nông nghiệp để điều chỉnh bảng hỏi cho phù hợp với bối cảnh của hộ gia đình nông dân tại vùng nông thôn của Việt Nam. Nghiên cứu sử dụng phương pháp chọn mẫu thuận tiện, bảng câu hỏi khảo sát được gửi đến các nhà quản lý ở địa phương, hộ gia đình nông dân đã và đang tham gia hoạt động sản xuất vụ mùa ở 4 huyện (Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú và Châu Thành) thuộc tỉnh Bến Tre. Cỡ mẫu tối thiểu không nhỏ hơn 200 và tối thiểu cho mô hình SEM



Hình 1: Mô hình nghiên cứu đề xuất

sẽ bằng 5 lần số biến quan sát^{44,45}. Trong mô hình nghiên cứu này có 6 biến tiềm ẩn với 31 biến quan sát, do đó số lượng mẫu ít nhất phải bằng 200. Để đạt được kích thước mẫu tối thiểu này, tác giả đã tiến hành phát trực tiếp 300 phiếu khảo sát các nhà quản lý ở địa phương, hộ gia đình nông dân đã và đang tham gia hoạt động sản xuất vụ mùa ở 4 huyện (Bình Đại, Ba Tri, Thạnh Phú, Châu Thành) thuộc tỉnh Bến Tre. Khảo sát này được tiến hành vào tháng 04/2021, kết quả thu về được 263 phiếu khảo sát giấy, sau khi loại bỏ 21 phiếu khảo sát không hợp lệ còn lại 242 phiếu hợp lệ, đạt tỷ lệ 92,01%.

Thang đo lường

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường các biến quan sát, trong đó “1” là “hoàn toàn không đồng ý” và “5” là “hoàn toàn đồng ý”. Các thang đo được tham khảo từ các công trình nghiên cứu trước trong cùng lĩnh vực. Cụ thể, thang đo vốn xã hội gồm: Mối quan hệ tương tác xã hội (SI) gồm có 4 biến quan sát; Lòng tin (TR) gồm có 5 biến quan sát; Chuẩn mực có đi có lại (RE) gồm 2 biến quan sát; Nhận biết (ID) có 4 biến quan sát, Mục tiêu chia sẻ (SG) có 4 biến quan sát; Tâm nhìn chung (SV) có 3 biến quan sát; Thu thập kiến thức (KC) có 3 biến quan sát; Trao tặng kiến thức (KD) có 3 biến quan sát; Khả năng đổi mới (IC) có 4 biến quan sát. Các biến này được kế thừa từ các nghiên cứu của các tác giả^{7,17,42,43} được thể hiện tại Bảng 1.

Bảng 1: Mô tả các biến và thang đo nghiên cứu

Thang đo		Nguồn khảo	tham khảo
Mối quan hệ tương tác xã hội (SI)			
SI1	Tôi luôn duy trì mối quan hệ xã hội chặt chẽ với những người trong mạng lưới xã hội mà tôi quen biết.	Các giả ^{7,17,42}	tác
SI2	Tôi luôn dành nhiều thời gian tương tác với một số thành viên trong mạng lưới xã hội mà tôi quen biết.		
SI3	Tôi biết một số thành viên trong mạng lưới xã hội của mình ở mức độ cá nhân.		
SI4	Tôi thường xuyên giao tiếp với một số thành viên trong mạng xã hội quen biết của mình.		
Lòng tin (TR)			
TR1	Các thành viên trong mạng lưới xã hội mà tôi quen biết sẽ không lợi dụng người khác ngay cả khi có cơ hội.	Các giả ^{7,17,42}	tác
TR2	Các thành viên trong mạng lưới xã hội của tôi luôn giữ lời hứa với nhau.		
TR3	Các thành viên trong mạng lưới xã hội của tôi sẽ không cố ý làm bất cứ điều gì để làm gián đoạn cuộc trò chuyện.		
TR4	Các thành viên trong mạng lưới xã hội của tôi cư xử theo một cách nhất quán.		
TR5	Các thành viên trong mạng lưới xã hội mà tôi quen biết luôn trung thực khi giao tiếp với nhau.		
Chuẩn mực có đi có lại (RE)			
RE1	Tôi biết rằng các cá nhân trong mạng lưới mà tôi quen biết luôn giúp đỡ tôi, vì vậy việc giúp đỡ các thành viên khác là điều công bằng.	Các giả ^{7,17,42}	tác
RE2	Tôi tin rằng các thành viên trong mạng xã hội quen biết của tôi sẽ giúp tôi nếu tôi cần.		
Nhận biết (ID)			
ID1	Tôi cảm thấy có một cảm giác thân thuộc đối với mạng xã hội mà tôi quen biết.	Các giả ^{7,17,42}	tác
ID2	Tôi có cảm giác gắn gũi với những người trong mạng xã hội của mình.		
ID3	Tôi có một cảm giác tích cực mạnh mẽ đối với mạng xã hội quen biết của mình.		
ID4	Tôi tự hào là một thành viên của mạng lưới xã hội của tôi.		
Mục tiêu chia sẻ (SG)			
SG1	Các thành viên trong mạng xã hội của tôi chia sẻ tầm nhìn giúp người khác giải quyết các vấn đề chuyên môn của họ.	Các giả ^{7,17,42}	tác
SG2	Các thành viên trong mạng lưới xã hội của tôi có cùng mục tiêu học hỏi lẫn nhau.		
SG3	Các thành viên trong mạng lưới xã hội của tôi đều có chung một giá trị là giúp đỡ người khác thật dễ chịu.		
Tầm nhìn chung (SV)			
SV1	Tôi và mọi người trong mạng lưới xã hội luôn có chung tham vọng và tầm nhìn trong công việc.	Các giả ^{7,17,42}	tác
SV2	Tôi và mọi người trong mạng lưới xã hội luôn thống nhất quan điểm trong hoạt động sản xuất.		
SV3	Tôi và mọi người trong mạng lưới luôn nhiệt tình theo đuổi mục đích của tập thể.		
Thu thập kiến thức (KC)			
KC1	Tôi chia sẻ thông tin mình có với đồng nghiệp khi họ yêu cầu	Các tác giả ^{17,43}	
KC2	Tôi chia sẻ kỹ năng của mình với đồng nghiệp khi họ yêu cầu		
KC3	Đồng nghiệp của tôi chia sẻ kỹ năng của họ với tôi khi tôi yêu cầu họ		
Trao tặng kiến thức (KD)			

Continued on next page

Table 1 continued

KD1	Khi tôi học được điều gì đó mới, tôi nói với đồng nghiệp của mình về điều đó	Các tác giả ^{17,43}
KD2	Khi đồng nghiệp học được điều gì đó mới, đồng nghiệp của tôi sẽ nói với tôi về điều đó	
KD3	Chia sẻ kiến thức giữa các đồng nghiệp được coi là bình thường trong mạng lưới cộng đồng của tôi	
Khả năng đổi mới (IC)		
IC1	Hộ gia đình của chúng tôi tìm ra những cách mới để thực hiện mọi việc trong sản xuất	Các tác giả ^{17,43}
IC2	Hộ gia đình chúng tôi luôn có những sản phẩm mới khi áp dụng các phương pháp sản xuất mới.	
IC3	Hộ gia đình của chúng tôi thường xuyên thử các ý tưởng mới	
IC4	Hộ gia đình của chúng tôi thường là hộ đầu tiên giới thiệu sản phẩm mới do ứng dụng các phương pháp sản xuất mới.	

Nguồn: Kết quả phân tích, tổng hợp từ các nghiên cứu trước đó

Phân tích dữ liệu

Trong nghiên cứu này, phân tích dữ liệu được thực hiện tuần tự qua hai bước⁴⁶. Trước tiên, thiết lập mô hình đo lường bằng phân tích nhân tố khẳng định (CFA). Sau đó, phân tích đường dẫn và ước lượng các hệ số tương quan đường dẫn bằng phần mềm IBM AMOS Version 24. Để đánh giá tính giá trị của mô hình đo lường, nghiên cứu thực hiện hai kiểm định: tính giá trị hội tụ và tính giá trị phân biệt. Trong đó, tính giá trị hội tụ được đánh giá bằng hệ số tải chuẩn hóa của tất cả các biến quan sát phải có ý nghĩa thống kê⁴⁶; hệ số đa tương quan bình phương (SMC) của các biến quan sát lớn hơn 0,5⁴⁵; độ tin cậy tổng hợp (CR) của các biến tiềm ẩn nên lớn hơn 0,7 và phương sai trích trung bình (AVE) của tất cả các biến tiềm ẩn nên lớn hơn 0,5; trong khi đó tính giá trị phân biệt được đánh giá bằng giá trị AVE của mỗi biến tiềm ẩn nên lớn hơn bình phương hệ số tương quan lớn nhất (MSV)⁴⁴.

Sự phù hợp của mô hình đo lường và mô hình cấu trúc được đánh giá theo đề xuất của Hair & cộng sự⁴⁴, trong trường hợp số quan sát trong mỗi nhóm $N > 250$ và số biến quan sát $12 < m < 30$, nếu kiểm định Chi bình phương có P-value $< 0,05$ thì mô hình phù hợp với các nghiên cứu trước đây. Nếu chỉ số CMIN/df nhỏ hơn 3 thì mô hình phù hợp tốt, CMIN/df nhỏ hơn 5 thì đôi khi vẫn có thể chấp nhận. Chỉ số phần dư chuẩn hóa căn quân phương (SRMR) càng nhỏ càng tốt (SRMR $< 0,08$) và nếu SRMR bằng 0 thì chứng tỏ mô hình là phù hợp một cách hoàn hảo. Các chỉ số phù hợp so sánh (CFI), chỉ số Tucker-Lewis (TLI) trên 0,92 và sai số ước lượng căn quân phương (RMSEA) nhỏ hơn 0,07.

KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Mô tả mẫu nghiên cứu

Bảng 2 mô tả đặc điểm nhân khẩu học của 242 hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre, bao gồm giới tính, độ tuổi, trình độ học vấn và qui mô hộ gia đình.

Mô hình đo lường

Đánh giá độ tin cậy (Reliability) và tính giá trị (Validity) của mô hình

Kết quả phân tích ở Bảng 3 cho thấy giá trị Cronbach's Alpha của tất cả các nhân tố đều trên 0,8 nên độ tin cậy thang đo là rất tốt⁴⁵. Ngoài ra, hệ số tải chuẩn hóa của tất cả các biến quan sát đều có ý nghĩa thống kê ở mức 0,001 và hệ số SMC của các biến quan sát có giá trị từ 0,531 (SG3) đến 0,847 (SI4). Do vậy, tất cả các biến quan sát đều được chấp nhận.

Từ kết quả trong Bảng 4, chúng ta thấy rằng độ tin cậy tổng hợp (CR) của tất cả 12 biến tiềm ẩn nằm trong

khoảng từ 0,879 (KD) đến 0,947 (IC) và tổng phương sai trích trung bình (AVE) của cả 12 biến tiềm ẩn nằm trong khoảng từ 0,611 (ID) đến 0,848 (SV). Từ đó, kết luận mô hình đo lường đạt yêu cầu về sự hội tụ. Đồng thời, bình phương hệ số tương quan lớn nhất (MSV) đều nhỏ hơn phương sai trích (AVE). Vì thế, có thể kết luận mô hình đo lường đạt yêu cầu về sự phân biệt.

Đánh giá sự phù hợp của mô hình đo lường tổng thể (Model Fit)

Kết quả phân tích sự phù hợp của mô hình đo lường cho thấy rằng các chỉ số: CMIN/df = 2,339 < 3 , P value = 0,000 $\leq 0,05$, CFI = 0,957 $> 0,92$, TLI = 0,964 $> 0,92$, SRMR = 0,055 $< 0,08$ và RMSEA = 0,045 $< 0,07$. Do đó, mô hình đo lường là phù hợp.

Phân tích đường dẫn và kiểm định giả thuyết

Kiểm định sự phù hợp của mô hình cấu trúc

Kết quả phân tích sự phù hợp của mô hình cấu trúc cho thấy rằng chỉ số CMIN/df = 1.865 < 3 , P-value = 0,000 $\leq 0,05$, CFI = 0,981 $> 0,92$, TLI = 0,975 $> 0,92$, SRMR = 0,0534 $< 0,08$, RMSEA = 0,068 $< 0,07$. Do đó, có thể kết luận rằng mô hình cấu trúc là phù hợp.

Kiểm định các giả thuyết nghiên cứu

Kết quả kiểm định các giả thuyết của nghiên cứu được tóm tắt như trong Bảng 5. Kết quả phân tích đường dẫn cho thấy rằng tất cả các giả thuyết H1, H2, H3, H4, H5, H6, H9, H10, H13 và H14 đều được chấp nhận với các mức ý nghĩa thống kê khác nhau (0,001; 0,01 và 0,05).

THẢO LUẬN KẾT QUẢ

Nghiên cứu này xác định mô hình tác động của vốn xã hội đến chia sẻ kiến thức và ảnh hưởng của chia sẻ kiến thức đến khả năng đổi mới hoạt động sản xuất của hộ gia đình tại tỉnh Bến Tre. Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ tương tác xã hội, lòng tin, có đi có lại, mục đích chia sẻ đều có ảnh hưởng đến chia sẻ kiến thức (bao gồm cả thu thập kiến thức và trao tặng kiến thức). Cụ thể:

Mối quan hệ tương tác xã hội có tác động đến chia sẻ kiến thức (thu thập kiến thức và trao tặng kiến thức). Kết quả này ngụ ý rằng khi một cá nhân của hộ gia đình nông dân xây dựng mối quan hệ với các thành viên khác trong cộng đồng, trong môi trường thoải mái khi chia sẻ ý tưởng, suy nghĩa hoặc câu chuyện mà cá nhân cần truyền đạt thì ý định thực hiện hành vi đó của họ sẽ mạnh mẽ hơn. Kết quả này tương tự với các nghiên cứu trước đó của các tác giả^{6,18,47} nhằm nhấn

Bảng 2: Mô tả mẫu khảo sát

Thông tin mẫu	Tần suất	Tỷ lệ (%)
Giới tính		
Nam	175	72,31
Nữ	67	27,68
Độ tuổi		
≤ 30	26	10,74
31-45	106	43,80
46-60	89	36,77
≥ 60	21	8,67
Trình độ học vấn		
Tiểu học	14	5,78
THCS	48	19,83
PTTH	98	40,49
Đại học	79	32,64
Trên đại học	3	1,23
Qui mô hộ gia đình		
≤ 3 người	12	4,95
3-6 người	176	72,72
≥ 6 người	54	22,31
Số năm kinh nghiệm		
≤ 5 năm	76	31,40
6-15 năm	91	37,60
16-25 năm	41	16,94
≥ 26 năm	34	14,04
Số năm sống tại địa phương		
≤ 5 năm	11	4,54
6-15 năm	54	22,31
16-25 năm	112	46,28
≥ 26 năm	65	26,85

Nguồn: Tác giả tổng hợp

manh mối quan hệ tương tác xã hội giúp nâng cao ý định chia sẻ kiến thức của các cá nhân.

Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy rằng, lòng tin/sự tin tưởng giữa các thành viên trong nhóm có vai trò đáng kể đối với chia sẻ kiến thức (thu thập kiến thức và trao tặng kiến thức). Kết quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đây của các tác giả^{47,48}. Điều này cho thấy mức độ tin cậy giữa các cá nhân trong nhóm càng cao sẽ khuyến khích thảo luận cởi mở, hiểu các

vấn đề liên quan đến công việc và giao tiếp hiệu quả trong nhóm⁴⁹. Hơn nữa, cả rào cản hữu hình và vô hình giữa các cá nhân đều bị giảm bớt bởi lòng tin. Do đó, mức độ tin cậy cao hơn cho phép các hộ gia đình nông dân nói về những vấn đề họ gặp phải, nhờ đó họ có được kiến thức sản xuất mới hoặc nâng cao kiến thức hiện có của họ.

Sự có đi có lại là một yếu tố quan trọng quyết định đến chia sẻ kiến thức trong hoạt động cộng đồng, kết

Bảng 3: Kết quả phân tích mô hình đo lường

Nhân tố	Hệ số Cronbach's Al-pha	Hệ số tải chuẩn hóa	Hệ số SMC
Mối quan hệ tương tác xã hội (SI)	0,896		
SI1		0,879	0,739
SI2		0,911	0,845
SI3		0,819	0,801
SI4		0,907	0,847
Lòng tin (TR)	0,942		
TR1		0,877	0,803
TR2		0,914	0,824
TR3		0,822	0,797
TR4		0,895	0,824
TR5		0,789	0,728
Chuẩn mực có đi có lại (RE)	0,902		
RE1		0,871	0,798
RE2		0,918	0,836
Nhận biết (ID)	0,887		
ID1		0,895	0,765
ID2		0,884	0,698
ID3		0,837	0,748
ID4		0,904	0,843
Mục đích chia sẻ (SG)	0,933		
SG1		0,864	0,746
SG2		0,762	0,597
SG3		0,798	0,531
Tầm nhìn chung (SV)	0,899		
SV1		0,827	0,737
SV2		0,798	0,559
SV3		0,879	0,754
Thu thập kiến thức (KC)	0,935		
KC1		0,745	0,698
KC2		0,897	0,781
KC3		0,826	0,725
Trao tặng kiến thức (KD)	0,879		
KD1		0,879	0,765
KD2		0,935	0,789
KD3		0,829	0,674
Khả năng đổi mới (IC)	0,947		
IC1		0,739	0,657
IC2		0,846	0,678
IC3		0,834	0,672
IC4		0,702	0,537

Nguồn: Tính toán của tác giả

Bảng 4: Độ tin cậy và tính giá trị của mô hình CFA

	CR	AVE	MSV	SI	TR	RE	ID	SG	SV	KC	KD	IC
SI	0,934	0,784	0,638	0,914								
TR	0,907	0,698	0,545	0,778	0,895							
RE	0,926	0,702	0,589	0,434	0,547	0,798						
ID	0,847	0,611	0,503	0,361	0,711	0,368	0,833					
SG	0,929	0,798	0,577	0,587	0,451	0,471	0,684	0,777				
SV	0,784	0,848	0,414	0,468	0,388	0,638	0,339	0,614	0,985			
KC	0,875	0,613	0,587	0,381	0,452	0,418	0,498	0,438	0,327	0,874		
KD	0,807	0,765	0,414	0,598	0,384	0,618	0,613	0,347	0,614	0,574	0,759	
IC	0,895	0,745	0,531	0,640	0,566	0,338	0,418	0,561	0,417	0,367	0,535	0,922

Nguồn: Tính toán của tác giả

quả này phù hợp với các nghiên cứu trước đó về tác động của sự có đi có lại^{7,18}. Do đó, sự có đi có lại có thể nhấn mạnh động lực và cam kết của các thành viên trong nhóm trong việc chia sẻ kiến thức⁵⁰. Khi có một tiêu chuẩn mạnh mẽ về sự hỗ tương trong tập thể, những người đóng góp kiến thức có thể cảm thấy có nghĩa vụ phải chia sẻ kiến thức của họ²⁷. Sự đóng góp hai chiều sẽ góp phần không nhỏ đến các thành viên trong nhóm, câu lạc bộ hay cộng đồng tại địa bàn điều tra tự tin chia sẻ kiến thức cho nhau.

Với kết quả cho thấy, mục tiêu chia sẻ có tác động đến chia sẻ kiến thức (thu thập kiến thức và trao tặng kiến thức). Kết quả này cho thấy rằng khi các hộ gia đình tham gia trong mạng lưới có cùng mục tiêu sản xuất, cùng định hướng sản xuất với nhau thì sẽ dễ dàng, mạnh dạng chia sẻ kiến thức, giúp đỡ nhau. Tuy nhiên, kết quả này khác với nghiên cứu trước đó của các tác giả^{8,17,19}.

Nghiên cứu này cũng phát hiện ra thu thập kiến thức và trao tặng kiến thức đều có tác động tích cực đến khả năng đổi mới hoạt động sản xuất của hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre. Điều này cho thấy khả năng đổi mới liên quan đến cả quá trình chia sẻ kiến thức từ thu thập kiến thức cũng như trao tặng kiến thức từ mạng lưới xã hội. Kết quả nghiên cứu này phù hợp với các nghiên cứu trước đây của các tác giả^{3,17,41,51,52}. Theo Lin³ cần phải tạo điều kiện tương tác, phát triển bầu không khí chia sẻ kiến thức giữa các thành viên trong nhóm có thể giúp nâng cao khả năng đổi mới. Thực trạng hoạt động mạng lưới xã hội: các tổ chức hội, câu lạc bộ,... tại các địa bàn điều tra cho thấy các nhóm hội, câu lạc bộ,... đang diễn ra mạnh mẽ, điều này góp phần không nhỏ để các hộ gia đình tham gia hoạt động chung mà đặc biệt là Hội nông dân, nơi mà các hộ gia đình có thể tương tác và chia sẻ cũng như

thu thập các kiến thức về nông nghiệp để tăng cường khả năng đổi mới hoạt động sản xuất.

KẾT LUẬN VÀ HÀM Ý CHÍNH SÁCH

Kết luận

Nghiên cứu này cho thấy tất cả các yếu tố cấu thành vốn xã hội: Mối quan hệ tương tác xã hội, Lòng tin, Sự có đi có lại, Nhận biết, Mục đích chia sẻ, Tầm nhìn chung đều có tác động tích cực đến trao tặng kiến thức và thu thập kiến thức; đồng thời, trao tặng kiến thức và thu thập kiến thức cũng đều có ảnh hưởng tích cực đến khả năng đổi mới trong hoạt động sản xuất đối với hộ gia đình nông dân tại tỉnh Bến Tre. Kết quả nghiên cứu cho thấy thu thập kiến thức có tác động mạnh hơn so với trao tặng kiến thức đối với khả năng đổi mới hoạt động sản xuất.

Hàm ý chính sách

Nahapiet & Ghoshal⁶ khẳng định rằng mối quan hệ xã hội hay vốn xã hội tạo điều kiện cho việc tạo ra các nguồn tri thức mới, vì vậy cá nhân hay một tổ chức cần thiết lập các thể chế có lợi cho sự phát triển mức độ cao của vốn xã hội. Nếu vốn xã hội của một cá nhân hay tổ chức dày đặc hơn sẽ đem lại lợi thế trên thị trường trong việc tạo ra và chia sẻ nguồn lực tri thức khác. Ngoài ra, Healy⁵³ khẳng định rằng: giáo dục chính là môi trường quan trọng nhất cho sự hình thành vốn xã hội, mặt khác Latham⁵⁴ cho rằng giáo dục cộng đồng, học tập theo nhóm, và thư viện công cộng là những nơi mà mọi người có thể học, thực hành và phát triển các thói quen, quy tắc, chuẩn mực và lòng tin xã hội. Công viên, nhà văn hóa, khu bảo tồn, thư viện,... là không gian công cộng làm gia tăng cơ hội sinh hoạt cộng đồng như nhóm, hội, câu lạc bộ,... góp phần duy trì và phát triển nguồn vốn xã

Bảng 5: Kết quả kiểm định giả thuyết nghiên cứu

Giả thuyết	Kỳ vọng	Trọng số chuẩn hóa	P-value	Kết quả	
H1	Mối quan hệ tương tác xã hội có tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức	+	0,435	***	Chấp nhận
H2	Mối quan hệ tương tác xã hội có tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức	+	0,387	***	Chấp nhận
H3	Lòng tin giữa các thành viên có tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức	+	0,178	0,002	Chấp nhận
H4	Lòng tin giữa các thành viên có tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức	+	0,132	***	Chấp nhận
H5	Chuẩn mực có đi có lại có tác động tích cực đến thu thập kiến thức	+	0,121	***	Chấp nhận
H6	Chuẩn mực có đi có lại có tác động tích cực đến trao tặng kiến thức	+	0,471	0,007	Chấp nhận
H7	Sự nhận biết có tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức	+	0,165	0,184	Bác bỏ
H8	Sự nhận biết có tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức	+	0,331	0,094	Bác bỏ
H9	Mục tiêu chia sẻ có tác động tích cực đến việc thu thập kiến thức	+	0,415	0,042	Chấp nhận
H10	Mục tiêu chia sẻ tác động tích cực đến việc trao tặng kiến thức	+	0,234	***	Chấp nhận
H11	Tầm nhìn chung có tác động tích cực đến thu thập kiến thức	+	0,388	0,143	Bác bỏ
H12	Tầm nhìn chung có tác động tích cực đến trao tặng kiến thức	+	0,982	0,689	Bác bỏ
H13	Thu thập kiến thức ảnh hưởng tích cực đến khả năng đổi mới của các hộ gia đình	+	0,534	***	Chấp nhận
H14	Trao tặng kiến thức ảnh hưởng tích cực đến khả năng đổi mới của các hộ gia đình	+	0,145	0,001	Chấp nhận

Nguồn: Tính toán của tác giả

hội⁵⁵. Dựa vào kết quả nghiên cứu và các lý thuyết của các nghiên cứu trước đây^{6,53-55}, tác giả đề xuất một số chính sách để kiến tạo và khuyến khích chia sẻ kiến thức và nâng cao khả năng đổi mới bằng cách thúc đẩy các yếu tố thuộc về vốn xã hội (cấu trúc mạng lưới xã hội và chất lượng mạng lưới xã hội) như sau: Đối với cấu trúc mạng lưới xã hội: Ngày nay, các sinh hoạt tại địa phương của các hộ gia đình tương đối đa dạng với các hình thức nhau, do đó việc thúc đẩy các thành viên hộ gia đình tham gia tích cực vào các tổ chức địa phương tổ chức hoặc các hoạt động cộng đồng như hội khuyến nông, hội nông dân, các câu lạc bộ,...góp phần tạo ra không gian mở nhằm tăng cường duy trì tiếp cận, trao đổi tạo điều kiện thuận lợi cho việc chia sẻ kiến thức (thu thập kiến thức và

trao tặng kiến thức) cũng như giúp các hộ gia đình nâng cao khả năng đổi mới hoạt động sản xuất như cập nhật kỹ thuật nuôi mới, ứng dụng công nghệ mới, con giống mới. Riêng đối với các thành viên hộ gia đình tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội thông qua mạng lưới cộng đồng tại nơi đang sinh sống. Các mối quan hệ tương tác lẫn nhau, thời gian thiết lập các mối quan hệ và tần suất trao đổi công việc trong mạng lưới có tác động đến cả chia sẻ kiến thức nông nghiệp, khả năng đổi mới hoạt động sản xuất của hộ gia đình nông dân hiện nay.

Đối với chất lượng mạng lưới xã hội: Theo Fukuyama⁵⁶, vốn xã hội được tạo ra từ lĩnh vực giáo dục thông qua việc hình thành các quy tắc, chuẩn mực trong xã hội, gia tăng lòng tin xã hội cho mọi tầng

lớp nhân dân; Putnam⁵⁷ cho rằng nền tảng cho sự phát triển các kết nối cộng đồng chính là lòng tin; còn theo Dasgupta⁵⁸: Lòng tin, các thể chế hay qui tắc ứng xử,... được xây dựng thông qua mạng lưới xã hội nhằm mưu cầu lợi ích trong tương lai. Để thực hiện được điều này, chính quyền địa phương hay người đứng đầu các hội, câu lạc bộ nên phân bổ nhiều nguồn lực trong việc xây dựng lòng tin và tăng cường sự cộng tác giữa các hộ gia đình, cũng như giữa hộ gia đình với các hội, câu lạc bộ. Lòng tin được cho là yếu tố quan trọng cộng đồng mạng lưới xã hội, muốn có được lòng tin thì cần phải tạo được bầu không khí làm việc thật sự cởi mở, công bằng, minh bạch,... Lòng tin là yếu tố tạo nên sự hợp tác, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức. Chính quyền, các hội, câu lạc bộ tại địa phương cần phải xây dựng văn hóa tổ chức, tạo sự đồng thuận, gắn kết giữa các thành viên trong tổ chức, từ các nhóm hội, nghề nghiệp, để mọi người đều có tiếng nói, phát huy ý tưởng, sáng kiến trong xây dựng tầm nhìn, để tầm nhìn thực sự là trí tuệ tập thể, là nguồn cảm hứng để vượt qua khó khăn, thách thức nhằm đạt hiệu quả cao trong hoạt động sản xuất.

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

SPSS: Statistical Package for the Social Sciences (Gói thống kê cho các ngành khoa học xã hội)

AMOS: Analysis of Moment Structures (Phân tích cấu trúc mô phỏng)

XUNG ĐỘT LỢI ÍCH

Nhóm tác giả xin cam đoan rằng không có bất kì xung đột lợi ích nào trong công bố bài báo.

ĐÓNG GÓP CỦA TÁC GIẢ

Toàn bộ nội dung bài viết chỉ do tác giả thực hiện.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Grant RM. Toward a knowledge-based theory of the firm. *Strateg Manag J*. 1996;17(2):109-28; Available from: <https://doi.org/10.1002/smj.4250171110>.
- Cummings JN. Work groups, structural diversity, and knowledge sharing in a global organization. *Manag Sci*. 2004;50(3):352-64. doi: 10.1287/mnsc.1030.0134; Available from: <https://doi.org/10.1287/mnsc.1030.0134>.
- Lin HF. Knowledge sharing and firm innovation capability: an empirical study. *Int J Manpow*. 2007a;28(3/4):315-32; Available from: <https://doi.org/10.1108/01437720710755272>.
- Mesmer-Magnus JR, DeChurch LA. Information sharing and team performance: A Meta-analysis. *J Appl Psychol*. 2009;94(2):535-46; PMID: 19271807. Available from: <https://doi.org/10.1037/a0013773>.
- Adler PS, Kwon SW. Social capital: prospects for a new concept. *Acad Manag Rev*. 2002;27(1):17-40; Available from: <https://doi.org/10.5465/amr.2002.5922314>.
- Nahapiet J, Ghoshal S. Social capital, intellectual capital, and the organizational advantage. *Acad Manag Rev*. 1998;23(2):242-66; Available from: 10.5465/amr.1998.533225.
- Chang HH, Chuang SS. Social capital and individual motivations on knowledge sharing: participant involvement as

- a moderator. *Inf Manag*. 2011;48(1):9-18; Available from: 10.1016/j.im.2010.11.001.
- Chow WS, Chan LS. Social network, social trust and shared goals in organizational knowledge sharing. *Inf Manag*. 2008;45(7):458-65; Available from: 10.1016/j.im.2008.06.007.
- He W, Qiao Q, Wei KK. Social relationship and its role in knowledge management system usage. *Inf Manag*. 2009;46(3):175-80; Available from: <https://doi.org/10.1016/j.im.2007.11.005>.
- Hooff B, Huysman M. Managing knowledge sharing: emergent and engineering approaches. *Inf Manag*. 2009;46(1):1-8; Available from: 10.1016/j.im.2008.09.002.
- Ngọc NP, Thi LT, Hoàng CH. Xác định các yếu tố ảnh hưởng đến sự tham gia của nông dân trong hoạt động sản xuất lúa giống cộng đồng huyện Long Mỹ, tỉnh Hậu Giang năm 2016. *Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Cần Thơ*. 2017;50:87-95; Available from: <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2017.056>.
- Sơn HV, Thành DN. Các yếu tố ảnh hưởng đến ứng dụng tiến bộ kỹ thuật trong sản xuất lúa của hộ nông dân tại Tỉnh Hậu Giang. *Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Cần Thơ*. 2014;85-93;
- Thùy TN. Tác động sự tham gia hội phụ nữ đến thu nhập nông hộ tại tỉnh Hậu Giang. *Tạp Chí Khoa Học Trường Đại Học Cần Thơ*. 2017;48:64-9; Available from: <https://doi.org/10.22144/ctu.jvn.2017.646>.
- Tsai W, Ghoshal S. Social capital and value creation: the role of intrafirm networks. *Acad Manag J*. 1998:464-76; Available from: <https://doi.org/10.5465/257085>.
- Titi Amayah AT. Determinants of knowledge sharing in a public sector organization. *J Knowl Manag*. 2013;17(3):454-71. doi: 10.1108/JKM-11-2012-0369; Available from: <https://doi.org/10.1108/JKM-11-2012-0369>.
- Shan SS, Xin T, Wang L, Li Y, Li L. Identifying influential factors of knowledge sharing in emergency events: A virtual community perspective. *Syst Res Behav Sci*. 2013;30(3):367-82; Available from: <https://doi.org/10.1002/sres.2181>.
- Akhavan P, Mahdi Hosseini S. Social capital, knowledge sharing, and innovation capability: an empirical study of R&D teams in Iran. *Technol Anal Strateg Manag*. 2016;28(1):96-113; Available from: 10.1080/09537325.2015.1072622.
- Chiu CM, Hsu MH, Wang ETG. Understanding knowledge sharing in virtual communities: an integration of social capital and social cognitive theories. *Decis Support Syst*. 2006;42(3):1872-88; Available from: 10.1016/j.dss.2006.04.001.
- Mohammed Fathi N, Cyril Eze U, Guan Gan Goh G. Key determinants of knowledge sharing in an electronics manufacturing firm in Malaysia. *Libr Rev*. 2011;60(1):53-67; Available from: 10.1108/00242531111100577.
- Chua A. The influence of social interaction on knowledge creation. *J Intellect Cap*. 2002;3(4):375-92; Available from: <https://doi.org/10.1108/14691930210448297>.
- Bolino MC, Turnley WH, Bloodgood JM. Citizenship behavior and the creation of social capital in organizations. *Acad Manag Rev*. 2002;27(4):505-22; Available from: 10.5465/amr.2002.7566023.
- Mu J, Peng G, Love E. Interfirm networks, social capital, and knowledge flow. *J Knowl Manag*. 2008;12(4):86-100; Available from: 10.1108/13673270810884273.
- Kim TT, Lee G, Paek S, Lee S. Social capital, knowledge sharing and organizational performance: what structural relationship do they have in hotels? *Int J Contemp Hosp Manag*. 2013;
- Bakker M, Leenders RThAJ, Gabbay SM, Kratzer J, Van Engelen JML. Is trust really social capital? Knowledge sharing in product development projects. *Learn Organ*. 2006;13(6):594-605; Available from: <https://doi.org/10.1108/09696470610705479>.
- Andrews KM, Delahaye BL. Influences on knowledge processes in organizational learning: the psychosocial filter. *J Manag Stud*. 2000;37(6):797-810; Available from: 10.1111/1467-6486.00204.
- Lin HF. Effects of extrinsic and intrinsic motivation on employee knowledge sharing intentions. *J Inf Sci*. 2007b;33(2):135-49; Available from: <https://doi.org/10.1177/0165551506068174>.

27. Wasko MM, Faraj S. Why should I share? Examining Social Capital and Knowledge Contribution in Electronic Networks of practice. *MIS Q.* 2005;29(1):35-57; Available from: <https://doi.org/10.2307/25148667>.
28. Bock GW, Zmud RW, Kim YG, Lee JN. Behavioral intention formation in knowledge sharing: examining the roles of extrinsic motivators, social-psychological forces, and organizational climate. *MIS Q.* 2005;29(1):87-111; Available from: <https://doi.org/10.2307/25148669>.
29. Kankanhalli A, Tan BCY, Wei KK. Contributing knowledge to electronic knowledge repositories: an empirical investigation. *MIS Q.* 2005;29(1):113-43; Available from: [10.2307/25148670](https://doi.org/10.2307/25148670).
30. Hung SY, Durcikova A, Lai HM, Lin WM. The influence of intrinsic and extrinsic motivation on individuals' knowledge sharing behavior. *Int J Hum Comput Stud.* 2011;69(6):415-27; Available from: [10.1016/j.ijhcs.2011.02.004](https://doi.org/10.1016/j.ijhcs.2011.02.004).
31. Kramer RM. Social identity and social capital: the collective self at work. *Int Public Manag J.* 2006;9(1):25-45; Available from: <https://doi.org/10.1080/10967490600625316>.
32. Turgut E, Beğenirbaş M. Çalışanların yenilikçi davranışları üzerinde sosyal sermaye ve yenilikçi iklimin rolü: sağlık sektöründe bir araştırma. *Kara Harp Okulu Bilim Derg.* 2013;23(2):101-24;.
33. Åmo BW, Kolvereid L. Organizational strategy, individual personality and innovation behavior. *J Enterpr Cult.* 2005;13(1):7-19; Available from: <https://doi.org/10.1142/S0218495805000033>.
34. Dhar RL. The effects of high performance human resource practices on service innovative behaviour. *Int J Hosp Manag.* 2015;51:67-75; Available from: [10.1016/j.ijhm.2015.09.002](https://doi.org/10.1016/j.ijhm.2015.09.002).
35. Kim T, Lee G. A modified and extended Triandis model for the enablers-process-outcomes relationship in hotel employees' knowledge sharing. *Serv Ind J.* 2012;32(13):2059-90; Available from: [10.1080/02642069.2011.574276](https://doi.org/10.1080/02642069.2011.574276).
36. Darroch J. Knowledge management, innovation and firm performance. *J Knowl Manag.* 2005;9(3):101-15; Available from: <https://doi.org/10.1108/13673270510602809>.
37. Du Plessis M. The role of knowledge management in innovation. *J Knowl Manag.* 2007;11(4):20-9; Available from: <https://doi.org/10.1108/13673270710762684>.
38. Reid F. Creating a knowledge sharing culture among diverse business units. *Employ Relat Today.* 2003;30(3):43-9; Available from: <https://doi.org/10.1002/ert.10097>.
39. Yeşil S, Büyükbeşe T, Koska A. Exploring the link between knowledge enablers, innovation capability and innovation performance. *Int J Innov Manag.* 2013;17(4); Available from: [10.1142/S1363919613500187](https://doi.org/10.1142/S1363919613500187).
40. Camelo-Ordaz C, García-Cruz J, Sousa-Ginel E, Valle-Cabrera R. The influence of human resource management on knowledge sharing and innovation in Spain: the mediating role of affective commitment. *Int J Hum Resour Manag.* 2011;22(7):1442-63; Available from: [10.1080/09585192.2011.561960](https://doi.org/10.1080/09585192.2011.561960).
41. Liao SH, Fei WC, Chen CC. Knowledge sharing, absorptive capacity, and innovation capability: an empirical study of Taiwan's knowledge intensive industries. *J Inf Sci.* 2007;33(3):340-59; Available from: [10.1177/0165551506070739](https://doi.org/10.1177/0165551506070739).
42. Aslam MMH, Shahzad K, Syed AR, Ramish A. Social capital and knowledge sharing as determinants of academic performance. *J Behav Appl Manag.* 2013;15(1):25-41; Available from: [10.21818/001c.17935](https://doi.org/10.21818/001c.17935).
43. Harjanti D, Noerchoidah N. The effect of social capital and knowledge sharing on innovation capability. *J Manajemen Kewirausahaan.* 2017;19(2):72-8. doi: 10.9744/jmk.19.2.72-78; Available from: <https://doi.org/10.9744/jmk.19.2.72-78>.
44. Hair JF, Black WC, Babin BJ, Anderson RE. *Multivariate data analysis.* 7th ed. Edinburgh Gate, England: Pearson; 2014;.
45. Kline RB. *Principles and practice of structural equation modeling.* New York: Guilford Press; 2015;.
46. Anderson JC, Gerbing DW. Structural equation modeling in practice: a review and recommended two-step approach. *Psychol Bull.* 1988;103(3):411-23; Available from: [10.1037/0033-2909.103.3.411](https://doi.org/10.1037/0033-2909.103.3.411).
47. Chang CW, Huang HC, Chiang CY, Hsu CP, Chang CC. Social capital and knowledge sharing: effects on patient safety. *J Adv Nurs.* 2012;68(8):1793-803; Available from: [10.1111/j.1365-2648.2011.05871.x](https://doi.org/10.1111/j.1365-2648.2011.05871.x).
48. Hau YS, Kim B, Lee H, Kim YG. The effects of individual motivations and social capital on employees' tacit and explicit knowledge sharing intentions. *Int J Inf Manag.* 2013;33(2):356-66; Available from: [10.1016/j.ijinfomgt.2012.10.009](https://doi.org/10.1016/j.ijinfomgt.2012.10.009).
49. Politis JD. The connection between trust and knowledge management: what are its implications for team performance. *J Knowl Manag.* 2003;7(5):55-66; Available from: [10.1108/13673270310505386](https://doi.org/10.1108/13673270310505386).
50. Hall H. 'Social Exchanges for knowledge exchange paper presented at managing knowledge: Conversations and critiques.' University of Leicester Management Centre, 10-1. 2001;.
51. Abdallah S, Khalil A, Divine A. The impact of knowledge sharing on innovation capability in United Arab Emirates organizations. *Int J Econ Manag Eng.* 2012;6(12):3588-91;.
52. Calantone RJ, Cavusgil ST, Zhao Y. Learning orientation, firm innovation capability, and firm performance. *Ind Mark Manag.* 2002;31(6):515-24; Available from: [10.1016/S0019-8501\(01\)00203-6](https://doi.org/10.1016/S0019-8501(01)00203-6).
53. Healy T. Social capital: some policy and research implications for New Zealand, Unpublished paper for the Institute of Policy Studies. New Zealand: Victoria University of Wellington; 2004;.
54. Latham, Michael E. *Modernization as ideology: American social science and nation-building in the Kennedy Era.* Chapel Hill: University of North Carolina Press; 2000;.
55. Cox EM, Weir D. *A truly civil society.* Sydney: ABC Books; 1995. p. 1-11;.
56. Fukuyama F. *Trust: the social virtues and the creation of Prosperity.* London: Penguin Books; 1995;.
57. Putnam RD. *Bowling alone.* New York: Collapse and Revival of American Community; 2000; Available from: <https://doi.org/10.1145/358916.361990>.
58. Dasgupta P. Economics of social capital. *Econ Rec.* 2005;81(s1):S2-S21; Available from: <https://doi.org/10.1111/j.1475-4932.2005.00245.x>.

Social capital, knowledge sharing and innovation ability for production activities of farmers households in Ben Tre province

Duong The Duy*



Use your smartphone to scan this QR code and download this article

ABSTRACT

Based on the results of previous studies on social capital, this study aims to propose and test a theoretical model of the relationship between social capital, knowledge sharing and innovation capacity for production activities of farmer households in Ben Tre province. The survey was carried out using a questionnaire to collect data by convenient sampling method. The study collected 263 questionnaires from farmer households in 4 districts of Chau Thanh, Binh Dai, Thanh Phu and Ba Tri in Ben Tre province. The hypotheses of the research model are verified by the linear structural model (SEM) through the software SPSS and AMOS. Research results show that Social interaction ties, Trust, Reciprocity and Shared goals all have an impact on Knowledge collecting and Knowledge donating of farm households. In addition, Knowledge collecting and Knowledge donating both have a positive effect on the Innovation capacity of farm households. With the obtained results, the study proposes policy implications for expanding social capital through the structure of social networks and the quality of social networks in order to enhance the ability of farmer households to innovate activities in Ben Tre province.

Key words: Social capital, knowledge sharing, innovation capability, farmer household

Faculty of Economics – Finance, Ho Chi Minh City University of Foreign Languages and Information Technology

Correspondence

Duong The Duy, Faculty of Economics – Finance, Ho Chi Minh City University of Foreign Languages and Information Technology

Email: duydt@hufilit.edu.vn

History

- Received: 13-11-2021
- Accepted: 9-5-2022
- Published: 29-5-2022

DOI : 10.32508/stdjelm.v6i2.979



Copyright

© VNUHCM Press. This is an open-access article distributed under the terms of the Creative Commons Attribution 4.0 International license.



Cite this article : Duy D T. Social capital, knowledge sharing and innovation ability for production activities of farmers households in Ben Tre province. *Sci. Tech. Dev. J. - Eco. Law Manag.*; 6(2):2631-2644.